

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/10/2023

V/v: “Tranh chấp

Hôn nhân gia đình”.

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thành

2. Bà Nguyễn Thị Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, về việc “TrA chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: A Trần Ngọc T, sinh năm 1989

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1997

Đều có địa chỉ tại: Khu Đ, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ

(A T có mặt, chị Vân A vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 14 tháng 3 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn A Trần Ngọc T có quan điểm trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: A và chị Nguyễn Thị Vân A tự nguyện kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 09/3/2016. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; đến tháng 4/2022 vợ chồng ly thân, không còn quan T nhau từ đó đến nay. Nay A xác định tình cảm vợ chồng giữa A và chị Nguyễn

Thị Vân A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên A đề nghị Tòa án giải quyết cho A ly hôn với chị Nguyễn Thị Vân A để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: A Trần Ngọc T trình bày vợ chồng A có 02 con chung là Trần ThA T, sinh ngày 13/11/2016 và Trần Đăng K, sinh ngày 30/1/2019. A T xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con khi vợ chồng ly hôn và không đề nghị chị Vân A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: A T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã nhiều lần báo bị đơn chị Nguyễn Thị Vân A, đến Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê để giải quyết việc A Trần Ngọc T xin ly hôn chị nhưng chị Nguyễn Thị Vân A có tình vắng mặt, nên Tòa án phải thực hiện thủ tục đề nghị thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án; trên báo hàng ngày của trung ương trong ba số liên tiếp và phát sóng trên đài phát thA của trung ương trong ba lần trong 03 ngày liên tiếp, về việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án A Trần Ngọc T xin ly hôn chị Nguyễn Thị Vân A và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- *Về thủ tục tố tụng*: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị nghị án Thẩm phán, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật. Bị đơn chị Nguyễn Thị Vân A có tình vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 điều 147; Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho A Trần Ngọc T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Vân A.

- *Về con chung*: Giao cho A T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Trần ThA T, sinh ngày 13/11/2016 và Trần Đăng K, sinh ngày 30/1/2019, kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi từng con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) lao động tự túc được. Chị Nguyễn Thị Vân A không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì A T không yêu cầu.

- *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: A T không đề nghị xem xét, nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- *Về án phí*: A Trần Ngọc T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về lệ phí: A Trần Ngọc T phải chịu toàn bộ lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

1.1. TrA chấp giữa A Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị Vân A là “TrA chấp về hôn nhân và gia đình”. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Vân A có nơi cư trú tại Khu Đồng Minh, xã Minh Tân, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Vân A vắng mặt, mặc dù Tòa án đã thông báo trên công thông tin điện tử của Tòa án; thông báo trên báo trung ương trong ba số liên tiếp và phát sóng trên đài phát thanh của Trung ương ba lần trong ba ngày liên tiếp, báo chị A về Tòa án để giải quyết việc A T xin ly hôn nhưng chị A vẫn không về giải quyết, nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị A là thực hiện đúng quy định tại b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án.

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của A T xin được ly hôn chị A thấy rằng: A Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị Vân A được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã M), huyện C, tỉnh Phú Thọ, đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn nên là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại Ủy ban nhân dân xã Minh Tân thể hiện: Trong quá trình chung sống vợ chồng A T và chị A có xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã xảy ra cãi nhau. Từ khoảng tháng 4/2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan T đến nhau. Tòa án đã thông báo trên báo hàng ngày của Trung ương trong ba số liên tiếp; trên đài Truyền hình Trung ương trong ba ngày liên tiếp; trên cổng thông tin điện tử của Tòa án báo chị A về Tòa án để giải quyết việc A T xin ly hôn nhưng chị A vẫn không về giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng A T và chị A đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của A T, cho A T được ly hôn chị A để ổn định cuộc sống.

2.2. Về con chung:

Xét nguyện vọng của A T xin được nuôi cả hai con chung thấy rằng: Vợ chồng A T và chị A có 02 con chung là Trần ThA T, sinh ngày 13/11/2016 và

Trần Đăng K, sinh ngày 30/01/2019. Hiện nay hai con đang trực tiếp ở với A T; trong khi đó, chị A có tình vắng mặt, giấu địa chỉ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu đề nghị được nuôi cả hai con chung khi vợ chồng ly hôn của A T, giao cả hai con chung cho A T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo quyền lợi của hai con chung. Chị Vân A không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì A T không yêu cầu.

2.3. *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* A T không đề nghị xem xét, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. *Về án phí:* A T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4]. *Về lệ phí:* A T phải chịu toàn bộ lệ phí đăng thông tin, trên báo Trung ương và trên đài Truyền hình Trung ương số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Xác nhận A T đã nộp đủ số tiền này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 180 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho A Trần Ngọc T được ly hôn chị Nguyễn Thị Vân A.

2. *Về con chung:* Giao cho A Trần Ngọc T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Trần Th T, sinh ngày 13/11/2016 và Trần Đăng K, sinh ngày 30/01/2019; kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi) lao động tự túc được. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì A T không yêu cầu nhưng chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* A Trần Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận A Trần Ngọc T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008163 ngày 23/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. A T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. *Về lệ phí:* A Trần Ngọc T phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) lệ phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Xác nhận A Trần Ngọc T đã nộp đủ số tiền này.

Trong trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

A Trần Ngọc T có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị Vân A vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện + tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS h.Cẩm Khê;
- UBND xã M;
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SO THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hán Hưởng

Nguyên đơn , bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hợp lệ hoặc được niêm yết.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

Nguyễn Hán Hưởng

\

Biên bản nghị án kết thúc hồi giờ phút cùng ngày. Đã thông qua cho các thành viên Hội đồng xét xử, nhất trí cùng ký tên.

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Nguyễn Hán Hưởng

